

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-TTg ngày 23/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo Thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí & ĐBCLGD Trường ĐH Luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 08 chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Luật, ĐHQGHN bao gồm:

1. CTĐT chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;
2. CTĐT chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự;



3. CTĐT chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. CTĐT chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
5. CTĐT chuyên ngành Luật kinh tế;
6. CTĐT chuyên ngành Luật quốc tế;
7. CTĐT chuyên ngành Pháp luật về quyền con người;
8. CTĐT chuyên ngành Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

Nội dung các chương trình đào tạo sau điều chỉnh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ nói trên được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo và công tác Học sinh sinh viên, Trưởng các Phòng chức năng, Chủ nhiệm các Khoa chuyên môn và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Quế Anh





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: LUẬT

CHUYÊN NGÀNH: LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ

MÃ SỐ: 8380101.04

*(Ban hành theo Quyết định số 1783/QĐ-ĐHL, ngày 30 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo

+ Tiếng Việt: Luật dân sự và tố tụng dân sự

+ Tiếng Anh: Civil Law and Civil Procedure Law

- Mã số chuyên ngành: 8380101.04

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Luật

+ Tiếng Anh: Law

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự theo định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo người học có trình độ cao về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự; có kiến thức toàn diện, hiện đại, chuyên sâu về các vấn đề lý luận và thực tiễn của khoa học luật dân sự và tố tụng dân sự; có năng lực nghiên cứu khoa học; có kỹ năng và phẩm chất phù hợp để thực hiện các công việc chuyên môn theo chuyên ngành đào tạo; đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động. Chương trình đào tạo cũng cung cấp cho người học những nền tảng cần thiết về tư duy, kiến thức, kỹ năng để người học có thể tự học tập, nghiên cứu hoặc tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo hướng đến các mục tiêu cụ thể sau:

- Về kiến thức

+ Cung cấp cho người học những kiến thức khoa học nền tảng về triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý.

+ Trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn ở trình độ nâng cao về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, bao gồm các kiến thức pháp lý về: vật quyền; nghĩa vụ; sở hữu trí tuệ; hôn nhân và gia đình; thừa kế; bồi thường thiệt hại; chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; nền tảng tư tưởng và kỹ thuật pháp lý trong lĩnh vực luật tư...

+ Chương trình cũng nhằm trang bị cho người học tư duy pháp lý mang tính hệ thống dựa trên nền tảng kiến thức đủ rộng và sâu, giúp người học tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất các vấn đề pháp lý đặt ra trong nghiên cứu khoa học và thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

- Về kỹ năng

+ Trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để có thể nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật dân sự và tố tụng dân sự một cách độc lập, sáng tạo;

+ Giúp người học có thể áp dụng hiệu quả pháp luật dân sự và tố tụng dân sự vào việc xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn và thực hiện các nhiệm vụ

chuyên môn ở cơ quan, đơn vị công tác; tư vấn pháp luật dân sự và tố tụng dân sự cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

+ Cung cấp cho người học các kỹ năng để người học có thể tham gia vào quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Chương trình đào tạo nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có đầy đủ năng lực để có thể phát triển thành một chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự, có thể đảm nhận tốt những cương vị công tác khác nhau tại các cơ quan nhà nước; các doanh nghiệp; các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về khoa học pháp lý nói chung và pháp luật dân sự và tố tụng dân sự nói riêng.

+ Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu phát triển và hoàn thiện các phẩm chất đạo đức cá nhân, nghề nghiệp và xã hội cho người học theo chuẩn mực của một luật gia, đặc biệt trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật được ĐHQGHN phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh

Áp dụng hình thức xét tuyển thẳng và xét tuyển.

3.1.1. Xét tuyển thẳng: Thực hiện theo thông báo tuyển sinh hàng năm của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.1.2. Xét tuyển: Được tổ chức kết hợp giữa xét hồ sơ và phỏng vấn đối tượng tuyển sinh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Đối với hình thức xét tuyển thẳng

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện cụ thể theo thông báo tuyển sinh của Trường và quy định của ĐHQGHN.

3.2.2. Đối với hình thức xét tuyển

Thí sinh dự tuyển phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Về văn bằng

+ Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) ngành phù hợp với CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, bao gồm ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức và ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức, thí sinh phải hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức của chương trình trước khi dự tuyển (Xem danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức của chương trình);

+ Bằng tốt nghiệp của thí sinh dự tuyển phải được xếp từ loại khá trở lên. Trong trường hợp không thỏa mãn điều kiện này, thí sinh phải có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

+ Thí sinh có văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);

- Về ngoại ngữ

+ Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, được minh chứng bởi các văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của ĐHQGHN;

+ Đối với thí sinh là công dân nước ngoài, phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định của ĐHQGHN;

- Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

Lưu ý: Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài được xét tuyển theo quy định riêng của Trường và của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

- **Ngành phù hợp không phải bổ sung kiến thức:** Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế.

- **Ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức:**

+ Nhóm 1: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản trị - Quản lý” gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công.

+ Nhóm 2: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Khoa học chính trị”: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Chính trị học.

+ Nhóm 3: Một số ngành thuộc nhóm ngành “Quản lý tài nguyên và môi trường”: Quản lý tài nguyên môi trường; Quản lý đất đai.

+ Nhóm 4: Một số ngành thuộc nhóm ngành “An ninh và trật tự xã hội”: Trinh sát an ninh; Trinh sát cảnh sát; Điều tra hình sự; Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Tình báo an ninh.

- **Các học phần bổ sung kiến thức gồm:**

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	04
2	Luật hiến pháp và luật hành chính	04
3	Luật hình sự và tố tụng hình sự	03
4	Luật dân sự và tố tụng dân sự	04
5	Luật thương mại	03
6	Công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế	03
Tổng số		21

- Trường hợp thí sinh có bằng cử nhân các ngành đào tạo được cấp bởi các cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc bằng cử nhân được cấp bởi các cơ sở đào tạo trong nước nhưng là các ngành đào tạo thí điểm hoặc các ngành đào tạo mà tại thời điểm tuyển

sinh đã không còn đào tạo hoặc đã thay đổi tên ngành thì tùy vào từng trường hợp, căn cứ vào bảng điểm của thí sinh, Trường sẽ xem xét và quyết định theo quy định hiện hành.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin nhằm giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong chuyên ngành đào tạo;

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý và ngoại ngữ (Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn;

PLO3: Tổng hợp kiến thức chuyên sâu theo chuyên ngành đào tạo (bao gồm cả các kiến thức thực tiễn về xây dựng và thi hành pháp luật) về: vật quyền; luật nghĩa vụ; pháp luật sở hữu trí tuệ; pháp luật hôn nhân gia đình; pháp luật thừa kế ...), các kết quả thu nhận được từ quá trình nghiên cứu khoa học và khả năng tư duy pháp lý hệ thống để giải quyết các vấn đề pháp lý từ đơn giản đến phức tạp trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

PLO4: Đánh giá được ưu, nhược điểm, sự phù hợp, tính hiệu quả của các quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự và các chính sách có liên quan của Nhà nước trên cơ sở việc phân tích, đối chiếu với thực tiễn thi hành, các yếu tố tác động, so sánh với kinh nghiệm nước ngoài để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật dân sự và tố tụng dân sự ở Việt Nam.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

PLO5: Áp dụng đúng pháp luật và vận dụng tư duy pháp lý hệ thống trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn và giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh từ thực tiễn công tác;

PLO6: Phát hiện những khoảng trống pháp lý, những vấn đề lý luận và thực tiễn mới phát sinh trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự để tổ chức thực hiện

các hoạt động nghiên cứu, thảo luận khoa học và công bố, truyền đạt các tri thức có được dựa trên kết quả nghiên cứu cho giới khoa học pháp lí và cho cộng đồng;

PLO7: Ứng dụng các kết quả nghiên cứu của khoa học pháp lí vào việc xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

PLO8: Tư vấn pháp luật dân sự và tố tụng dân sự cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu; tham gia giải quyết các tranh chấp phát sinh có liên quan đến pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

PLO9: Phản biện các vấn đề chuyên môn, chính sách, pháp luật của nhà nước và đề xuất giải pháp cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân sự và tố tụng dân sự.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

POL10: Sử dụng thuần thục các phương pháp giao tiếp khác nhau; viết, thuyết trình hoặc tranh luận một cách hiệu quả trong nghiên cứu khoa học và hoạt động nghề nghiệp;

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: Có khả năng đưa ra những kết luận chuyên môn mang tính chuyên gia, những giải pháp khoa học có giá trị trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự;

PLO12: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân trong môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, thích ứng nhanh với sự thay đổi của môi trường làm việc;

PLO13: Có năng lực lãnh đạo, quản lí và điều hành đơn vị; khả năng chỉ đạo và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; khả năng đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn;

PLO14: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc một cách sáng tạo và hiệu quả;

PLO15: Chuẩn mực trong lời nói và hành động; thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc;

PLO16: Thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một luật gia; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần bảo vệ công lí, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân;

PLO17: Có lòng tự tôn dân tộc; có ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân; sẵn sàng đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức; sẵn sàng bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

4. Vị trí làm việc mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự định hướng nghiên cứu, học viên có thể sử dụng năng lực, các kiến thức và kĩ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- *Nhóm 1:* Công tác tại các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ở trung ương hoặc địa phương; các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội.

- *Nhóm 2:* Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật);

- *Nhóm 3:* Hành nghề độc lập hoặc làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lí chuyên nghiệp như các doanh nghiệp/công ty/văn phòng: luật; công chứng; thừa phát lại; quản lí và thanh lí tài sản... trong và ngoài nước; làm chuyên viên pháp chế/tư vấn viên tại các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi Chính phủ, liên Chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Học viên cũng có thể tiếp tục học lên ở bậc học cao hơn (Tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 tín chỉ

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): 09 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 24 tín chỉ
 - + Bắt buộc: 16 tín chỉ
 - + Tự chọn: 08/20 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: 27 tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		09				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	04	45	5	10	
2		Ngoại ngữ B2 (SDH)* <i>Foreign Language B2</i> (Chọn một trong các thứ tiếng sau)	5				
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	50	15	10	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>		50	15	10	
CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	50		15	10		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>		50	15	10	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>		50	15	10	
	OLC5001	Tiếng Nhật Bản B2 <i>Japanese B2</i>		50	15	10	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>		50	15	10	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thai B2</i>		50	15	10	
	ARA5001	Tiếng Ả Rập B2 <i>Arabic B2</i>		50	15	10	
II	Khôi kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24				
II.1	Các học phần bắt buộc		16				
3	UL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal Research Methods</i>	02	18	6	6	
4	CIL6040	Vật quyền <i>Real Rights</i>	03	27	9	9	
5	CIL6045	Lý thuyết chung về luật nghĩa vụ <i>General theory of obligations law</i>	03	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
6	CIL6041	Pháp luật về quyền nhân thân <i>Law of extra-patrimonial rights</i>	02	18	6	6	
7	CIL6047	Pháp luật về quyền tác giả <i>Copyright Law</i>	02	18	6	6	
8	CIL6043	Pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp <i>Law of Industrial property rights</i>	02	18	6	6	
9	CIL6044	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự <i>Evidence and proof in civil procedure</i>	02	18	6	6	
II.2	Các học phần tự chọn		08/20				
10	CIL6053	Pháp luật về thừa kế <i>Inheritance law</i>	02	18	6	6	
11	CIL6049	Chế độ tài sản vợ chồng <i>Matrimonial property regime</i>	02	18	6	6	
12	CIL6071	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng <i>Law of tort liability</i>	02	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
13	CIL6042	Luật hợp đồng so sánh <i>Comparative contract law</i>	02	18	6	6	
14	CIL6063	Luật La Mã chuyên sâu <i>Advanced Roman Law</i>	02	18	6	6	
15	CIL6056	Pháp luật về đại diện <i>Agency law</i>	02	18	6	6	
16	CIL6070	Pháp luật về giao dịch bảo đảm <i>Law on secured transactions</i>	02	18	6	6	
17	CIL6050	Pháp luật thi hành án dân sự <i>Law of civil judgment enforcement</i>	02	18	6	6	
18	CIL6060	Tổ tụng dân sự so sánh <i>Comparative civil procedure</i>	02	18	6	6	
19	CIL6055	Giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual property dispute resolution</i>	02	18	6	6	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu^(**)		12				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số HP tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20	CIL6080	Chuyên đề nghiên cứu 1: Lĩnh vực Luật dân sự và luật hôn nhân và gia đình <i>Essay 1: Civil law and marriage and family law</i>	04	5	10	45	
21	CIL6081	Chuyên đề nghiên cứu 2: Lĩnh vực Luật tố tụng dân sự <i>Essay 2: Civil procedure law</i>	04	5	10	45	
22	CIL6082	Chuyên đề nghiên cứu 3: Lĩnh vực Luật sở hữu trí tuệ <i>Essay 3: Intellectual property law</i>	04	5	10	45	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
23	CIL7202	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15				
Tổng cộng				60			

Ghi chú:

- (*) Học phần Ngoại ngữ B2 (SDH) có khối lượng 5 tín chỉ, được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT nhưng không tính vào điểm trung bình chung học kì và trung bình chung học tập;

- (**) Học viên thực hiện 03 chuyên đề nghiên cứu theo quy định của Nhà Trường. Với mỗi chuyên đề nghiên cứu, học viên sẽ lựa chọn một đề tài về lĩnh vực nghiên cứu tương ứng theo sự hướng dẫn của Khoa chuyên môn.